

PATRIOTIC EMULATION SPIRIT THROUGH HUU PHUONG'S NOVEL “SUMMER HORIZON”

TINH THẦN THI ĐUA YÊU NƯỚC QUA TIỂU THUYẾT CHÂN TRỜI MÙA HẠ CỦA HỮU PHƯƠNG

Dương Thị Ánh Tuyết
Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *The article focuses on analyzing the expressions and art of expressing the patriotic emulation spirit as a self-necessity of the characters in the context of the country's war through the novel “Summer Horizon” by writer Huu Phuong. Thereby, it contributes to affirming the value of the work, the writer's style as well as the good cultural values of Quang Binh homeland in particular and of the Vietnamese nation in general.*

Key words: *Summer horizon, Huu Phuong, patriotic emulation.*

TÓM TẮT: *Bài viết tập trung phân tích những biểu hiện và nghệ thuật thể hiện tinh thần thi đua yêu nước - như một nhu cầu tự thân của các nhân vật trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh - qua tiểu thuyết “Chân trời mùa hạ” của nhà văn Hữu Phương. Thông qua đó góp phần khẳng định giá trị tác phẩm, phong cách nhà văn cũng như các giá trị văn hóa tốt đẹp của quê hương Quảng Bình nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.*

Từ khóa: *Chân trời mùa hạ, Hữu Phương, thi đua yêu nước.*

Chân trời mùa hạ của nhà văn Hữu Phương là tác phẩm đạt giải B cuộc thi tiểu thuyết của Hội nhà văn Việt Nam lần thứ 3 (2006-2010); Cúp Bông lúa vàng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho tác phẩm xuất sắc về đề tài nông nghiệp nông thôn nông dân Việt Nam giai đoạn 1981-2001. Cuốn tiểu thuyết đưa người đọc đến thám hiểm miền quê đất lửa Quảng Bình trong những năm chiến tranh chống Mỹ để cảm nhận cái thần diệu của dải đất và con người miền trung. Một trong những cái thần diệu, góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại của dân tộc, đó chính là phong trào thi đua yêu theo tinh thần, quan điểm và tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh: thi đua là yêu nước, yêu nước là thi đua, những người thi đua là những người yêu nước. Trong bài viết này, chúng tôi đi vào phân tích những biểu hiện của tinh thần yêu nước và nghệ

thuật thể hiện tinh thần yêu nước qua một số phương diện tiêu biểu.

1. NHỮNG BIỂU HIỆN CỦA TINH THẦN THI ĐUA YÊU NƯỚC.

1.1. Chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi.

Với tinh thần hy sinh tất cả “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, với khí thế cách mạng hào hùng “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, với ý chí và quyết tâm sắt đá “dù có đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải dành cho được độc lập”, phong trào thi đua yêu nước “chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi” trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh hơn bao giờ hết bùng cháy mãnh liệt. Thi đua yêu nước lúc này trở thành nhu cầu tự thân, thể hiện ý thức, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc, là tình cảm tự nhiên chân thành của mỗi người con đất Việt khi đất nước có biến binh. Đó là điều mà chúng ta ngưỡng mộ đối với thế hệ cha anh mình

trong những năm chiến tranh ác liệt. Tất nhiên, hẳn đâu đó vẫn còn những cá nhân có tư tưởng thực dụng, ích kỉ, tư lợi, nhưng những cá nhân đó trước sau cũng sẽ bị loại ra khỏi dòng chảy của lịch sử như một quy luật tất yếu. Thông điệp này đã được nhà văn Hữu Phương thể hiện một cách sâu sắc và thuyết phục qua tác phẩm.

Cuốn tiểu thuyết đã tái hiện sinh động phong trào thi đua chiến đấu giỏi, sản xuất giỏi của nhân dân xã Đại Hòa trong những năm chống Mỹ ác liệt. Một thế hệ thanh niên phơi phới như Thiện, Cẩm, Xuyên, Phượng, Sơn, Kiên, Thuận... những chàng trai và cô gái có tên và không tên của làng Đại Hòa đã tận hiến tuổi trẻ của mình cho công cuộc lao động sản xuất và chiến đấu nơi mảnh đất cửa ngõ, vừa là hậu phương đồng thời cũng là tiền tuyến. Tiêu biểu nhất phải kể đến bác Niệm, một bí thư Đảng ủy xã mẫn cán, đặt sinh mệnh của cánh đồng Đại Hòa lên trên sự sống của bản thân. Dòng nước tưới tiêu từ đập Đá Mài trên thượng nguồn sông Dinh được bác quý hơn cả mạch máu chảy trong huyết quản của mình. Nhờ vậy, xã Đại Hòa mấy năm chiến tranh ác liệt bao giờ cũng nộp đủ chỉ tiêu lương thực cho mặt trận. Những đau đớn, ưu tư, trăn trở của bác Niệm khi đập Đá Mài bị bắn phá “rời đây đời sống hàng ngàn hộ xã viên sẽ ra sao”, là biểu hiện phẩm cách của một nhà quản lý giỏi, luôn vì tập thể, lo trước nỗi lo của dân và vui sau niềm vui của mọi người.

Dưới sự dẫn dắt của một Đảng ủy xã mẫn cán và có uy tín cao, cả một tập thể xã viên Đại Hòa đoàn kết, đồng lòng ra sức thi đua hoàn thành tốt mọi công việc. Đó là bác Duẩn, một thầy giáo đức độ, mực thước, vợ mất sớm, một mình vò võ nuôi dưỡng và gửi gắm niềm tin, hy vọng vào đứa con độc

nhất là Thiện. Là bà Mây, một người phụ nữ bất hạnh bị trời “cướp trắng” nhan sắc và hạnh phúc, để rồi nổi vất vả in hằn trên khuôn mặt nhăn nheo, rám nắng và bàn tay gân guốc, khô gầy như nhánh củi. Đó là Loan, một cô gái đẹp người, đẹp nét, giỏi giang, vừa là một dân quân gan dạ đêm đêm bám biển vừa là một chân kế toán nhanh nhẹn, hoạt bát của xã Đại Hòa. Là thằng Tiệng với thân hình đen nhẻm, mái tóc vàng hoe vì nắng gió từ thửa lên ba, mười lăm tuổi đã nặng nạch đòi đi bộ đội. Khi nguyện vọng được chấp nhận, hẳn mừng rơn, nhảy cẫng lên vì sung sướng. Dù mưa bom, bão đạn, đêm hôm hễ cần công việc là nó sẵn sàng lao đi. Đó là một đám cưới vội vàng trong thời chiến, cho chàng trai kịp lên đường nhập ngũ. Những dòng chữ “vui duyên mới không quên nhiệm vụ”, “hạnh phúc non sông, hạnh phúc nhà/thăm tình non nước, thăm tình ta”, những bài ca cách mạng “Đường cày đảm đang”, “thanh niên ba sẵn sàng” hiện diện trong đám cưới của Thiện và Hòa đã phản ánh sống động tinh thần, không khí thi đua của cả một thế hệ sống hết mình vì tổ quốc, quê hương.

1.2. Vượt lên chính mình

Nếu chỉ thể hiện, phản ánh phong trào thi đua yêu nước của đất và người Quảng Bình trong những năm kháng chiến chống Mỹ, qua phong trào hai giỏi, thì tác phẩm của Hữu Phương cũng chỉ là một bản tổng kết phong trào thi đua yêu nước mà không có cơ hội để nhận giải thưởng của Hội nhà văn. Sở dĩ, tác phẩm xuất sắc vượt qua các tác phẩm khác để nhận được giải thưởng cao quý và quan trọng hơn là nhận được sự đón nhận tích cực từ nhiều thế hệ độc giả là bởi giá trị nhân văn sâu sắc toát lên từ chính cuộc đời, những số phận biết/phải vượt lên chính mình, vượt lên những khao khát nhân

bản đời thường để làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của một người con đối với tổ quốc trong hoàn cảnh chiến tranh.

Bản năng, ý thức sinh tồn cường tráng, tinh thần luôn vượt lên chính mình của người dân Đại Hòa đã đánh bại mọi âm mưu hủy diệt của kẻ địch. Thế đất hiểm trở, địa hình, địa vật cùng với con người hợp đồng tác chiến. Họ thông minh, linh hoạt và tính toán như thần. Họ thuộc lòng những ngón võ mà địch sẽ tung ra. Họ tương kế, tựu kế, bí mật đón chờ. Kẻ địch cứ ngỡ rằng, cứ ném bom đánh sập những chiếc cầu, cắt đứt những con đường lớn, là đối phương bị chặt đứt tay chân, không vận chuyển lương thực và vũ khí vào Nam được. Nhưng đế quốc Mỹ làm sao biết được, những con đường giao liên như sợi chỉ ngoằn ngoèo, tỏa ra rồi chập lại ở một nút nào đó, rồi lại tỏa ra, len lách, luồn lủi, như những mạch máu cơ thể, dẫn quanh quất dưới những tán cây, chân đồi, qua những xóm làng, những khe suối,... Cuộc chiến giữa những người đi trên mặt đất với đội quân thiện chiến của Hoa Kỳ ở trên trời, xét theo phương diện nào đó, cứ như chơi trò ú tim. Máy bay đánh ban ngày thì xe đi ban đêm. Máy bay đánh ban đêm thì xe đi ban ngày. Chúng đánh về sáng thì xe đi đầu hôm. Chúng đánh đầu hôm thì xe đi về sáng. Chúng đánh cả ngày lẫn đêm thì xe đi cả đêm lẫn ngày. Lũ giặc lái điên tiết đồ không biết cơ man nào là bom đạn xuống gầm Chánh Hòa, nhưng cái gầm vẫn trờ lý những rọ đá xếp kè chắc chắn. Và đêm đêm dòng sông xe vẫn làm lủi ra trận qua gầm này, khi trời rạng sáng thì tất cả đã đầu vào đấy. Xe đã ở những điểm giấu an toàn, lái xe mắc võng ngủ, để lại con đường gầm đá lạng im như chưa bao giờ có chuyện gì xảy ra, như chưa có đêm đêm hàng đoàn người, xe nườm nượp ra trận...

“Những đêm tối trời để xe không bị rơi xuống vực hay xuống các hố bom, các cô gái làm đường chỉ còn cách xắn cao quần, đứng cách nhau mỗi người một quãng. Và những cặp chân trắng ngần thiếu nữ của họ thành cọc tiêu dẫn xe đi lên. Có lẽ trên thế giới này, không có nơi nào con đường ra trận lại gan góc và lãng mạn như ở nơi này” [3;299]. Những con đường vận chuyển vũ khí, lương thực và chuyển quân của ta như thế đấy, làm sao kẻ địch hình dung nổi? Chiến lược chiến tranh nhân dân của ta như thế đấy làm sao kẻ địch đối phó được. Dưới làn mưa bom bão đạn, cuộc sống người dân Đại Hòa vẫn cứ sinh sôi “bên cạnh hố bom dày đặc của trọng điểm chết, những ruộng lúa vẫn được cấy từ bao giờ. Rồi mùa màng lên xanh, rồi lúa chín được gặt hái tự khi nào... Thế mới biết sinh tồn và hủy diệt tồn tại muôn đời; nhưng xem ra hủy diệt dù man rợ đến mấy cũng không thắng được sinh tồn [3;54]. Sự sống này mầm từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ khổ đau, từ trong gian khó con người tôi luyện bản lĩnh, chí khí để vượt qua chính mình, đó chính biểu hiện sâu sắc của tinh thần yêu nước, như một nét đẹp văn hóa trong tâm thức của người Việt Nam.

1.3. Phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, dân tộc.

Trong bản giao hưởng thi đua yêu nước xã Đại Hòa, nếu bác Niệm, Thiện và Cẩm là những thanh âm tiêu biểu đại diện cho sự kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, thì Sơn là một âm thanh lạc điệu. Thông qua hình tượng nhân vật này, tác giả muốn người đọc nhận ra chân lý giản dị: yêu nước là biết kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của quê hương và dân tộc. Sơn ranh ma từ trong máu thịt, khôn ngoan và láu cá, ngọt ngào

và man trá, cơ hội và liều lĩnh, hãnh tiến và đê tiện. Trước khi tham gia chiến trường Sơn đã có nhiều hành động hé lộ bản chất ích kỷ, nhỏ nhen, toan tính, bỉ ổi: đồ kỵ với tình yêu của Thiện và Cẩm; bày thủ đoạn để Thiện chứng kiến sự khấn vái của Cẩm trước mộ Phong, hòng chia cắt tình yêu đẹp của đôi bạn; âm mưu chiếm đoạt đời con gái của Cẩm ở nghĩa địa Ba Nắng; cày dới để được tính nhiều công điểm; phỉnh phờ để chiếm đoạt thể xác của Thẩm; nịnh nọt, lợi dụng tốt của thủ trưởng Nghĩa; ăn cắp tờ chứng thương không chỉ; tán tỉnh, ve vãn Suyền để có tờ chứng thương hợp lý; không từ mọi thủ đoạn để ngồi vào cái ghế chủ nhiệm rồi bí thư Đảng ủy; tố cáo chuyện tình ông Niệm và bà Thảo; trả đũa Loan bằng cách đẩy từ kế toán xuống giữ kho; dụ dỗ Hòa quan hệ ân ái, đến khi có bầu lại bày Hòa dựng chuyện đổ vấy lên đầu ông Duẩn... Là một kẻ cơ hội, đa mưu, túc kế và nham hiểm, Sơn không từ bỏ bất cứ thủ đoạn bỉ ổi nào để đạt mục đích cá nhân. Sơn và Thiện là hai âm thanh trái chiều, tương phản, va đập vào nhau và soi chiếu lẫn nhau. Với Thiện, dầu có bản khoả chiến tranh sẽ cướp đi bao nhiêu cái đầu xanh, nhưng anh vẫn luôn đứng về phía nhân dân, đứng về phía làng Đại Hòa. Anh hiểu rõ chính nhân dân đã làm nên kỳ tích trong cuộc chiến tranh tàn khốc này. Còn Sơn lại quan niệm “chiến tranh là trò chơi của các bậc trên cao, của các đảng quyền uy... Còn săn bắn, đánh bẫy thú rừng, đơm đó chim trời cá nước là trò chơi của anh, trò chơi không bao giờ biết chán”[3;282]. Từ kinh nghiệm đánh bẫy thú rừng, Sơn đúc rút cho mình kinh nghiệm để đánh bẫy con người. Kinh nghiệm này đã không chỉ giúp Sơn vượt qua ánh mắt ái ngại của nhiều người như bác Niệm, bà Mây, chị Loan, mà con

ngày càng thăng tiến trong xã hội... Để cho Sơn leo lên cái chức trưởng phòng nông nghiệp huyện, với dáng vẻ béo tốt, trơn láng của một kẻ thỏa mãn những nhu cầu cá nhân nhưng lại đi van xin tình yêu của Cẩm, tác giả đã xử lý vấn đề theo hướng lãng mạn... Cái tốt, cái đẹp luôn ngạo nghễ trước cái xấu, cái ác. Cái chết của Sơn cuối tác phẩm là minh chứng cho thông điệp: người nào đi ngược lại với dòng chảy lịch sử, với truyền thống văn hóa tốt đẹp của quê hương, dân tộc, người ấy trước sau cũng không có kết cục tốt đẹp.

Ba khía cạnh tiêu biểu của tinh thần thi đua yêu nước mà chúng tôi vừa đề cập ở trên là sự kết tinh những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc nói chung, con người Quảng Bình nói riêng. Tác giả đã thể hiện hết sức thuyết phục các khía cạnh ấy qua những cách tân nghệ thuật độc đáo, tiêu biểu sau:

2. NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN TINH THẦN THI ĐUA YÊU NƯỚC.

2.1. Trần thuật đa điểm nhìn.

Điểm nhìn, đó chính là vị trí, chỗ đứng để xem xét, miêu tả, bình giá sự vật, hiện tượng. Trong tác phẩm văn chương, điểm nhìn có mối quan hệ mật thiết nhưng không hoàn toàn đồng nhất với ngôi kể. Điểm nhìn mang màu sắc tu từ gọi cảm hứng thẩm mỹ và được người đọc nhận ra thông qua mối quan hệ giữa các yếu tố: người kể chuyện, cốt truyện, nhân vật, người đọc hàm ẩn. Điểm nhìn góp phần khu biệt phong cách tác giả. Là điểm xuất phát của một cấu trúc nghệ thuật, đằng sau điểm nhìn bao giờ cũng bộc lộ một lập trường, quan điểm xã hội, thẩm mỹ nhất định.

Chân trời mùa hạ được trần thuật theo điểm nhìn của người kể chuyện giấu mặt (hàm ẩn). Người kể chuyện này đặc biệt

mang quyền lực “biết tuốt” của Chúa. Cũng có lúc người kể chuyện xuất hiện trực tiếp nói với người đọc, tự do bình luận, miêu tả, đánh giá về bản thân hành động, nhân vật, nhưng cũng chỉ hạn hữu, phần lớn vẫn là “hàm ẩn”. Đây chính là kiểu trần thuật phi tụ điểm (focalization zero), trần thuật tác giả (authorial narrative) theo quan điểm của Genette và Manfred Jahn.

Lựa chọn kiểu kể hàm ẩn, cuốn tiểu thuyết tạo cho độc giả cảm giác trực tiếp, gần gũi với thế giới nhân vật, không phải đang nghe ai đó kể lại, mà đang tận mắt chứng kiến một thời khói lửa xảy ra trên dải đất eo thắt Quảng Bình trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Tính khách quan, rút ngắn khoảng cách trần thuật của tác phẩm vì thế được phát huy.

Tuy nhiên, nếu chỉ thấy vai trò của người kể chuyện như một sự độc quyền thì vô tình đã thu hẹp trường nhìn, vốn rất phong phú đa dạng của tác phẩm. Bởi về hình thức Chân trời mùa hạ được phóng chiếu từ điểm nhìn của người kể chuyện hàm ẩn, nhưng thực chất tác giả đã hạn chế vai trò của người kể chuyện bằng cách trao điểm nhìn cho nhân vật. Nói chính xác là người kể chuyện đã “nuơng theo” điểm nhìn nhân vật để kể. Điểm nhìn ở đây di chuyển liên tục từ người kể chuyện sang nhân vật, từ nhân vật này sang nhân vật khác, từ bên ngoài vào bên trong. Với kiểu trần thuật đa điểm nhìn, đa chủ thể, phát huy tối đa hiệu quả nghệ thuật của điểm nhìn tâm lí, các biểu hiện của phong trào thi đua yêu nước trong tiểu thuyết được soi chiếu, xem xét, nhìn nhận đánh giá dưới nhiều góc độ khác nhau.

Xuyên suốt những trang văn bản tiểu thuyết, ta thấy người kể chuyện không chỉ kể theo cái nhìn của mình, mà chủ yếu là kể

theo cách nhìn, giọng điệu của nhân vật, nhìn nhận, miêu tả, bình xét các sự kiện và hành động theo quan điểm của các nhân vật. Dấu hiệu giúp độc giả nhận ra điều này là sự xuất hiện đậm đặc ngôn từ “nửa trực tiếp”- về hình thức thì thuộc về tác giả nhưng về nội dung và phong cách lại thuộc về nhân vật - trong suốt chiều dài tác phẩm. Bằng cách này, tác giả đã gây ấn tượng về sự hiện diện của ý thức nhân vật cho độc giả, tạo điều kiện để người đọc thâm nhập vào những ý nghĩ thâm kín, chiều sâu tâm hồn của nhân vật. Đây là cách thức hữu hiệu để tác giả thể hiện cái nhìn đa chiều về những con người biết vượt lên chính mình.

Ở chương hai, khi người kể chuyện kể lại những sự việc diễn ra cách đây bảy năm, sử dụng lời nửa trực tiếp, tác giả đưa người đọc đến gần hơn với nỗi lòng của Thiện sau nụ hôn đầu đời với người bạn gái anh yêu: “Thiện bước ra ngoài sân, nụ hôn đầu tối qua vẫn ngọt the đầu lưỡi. Từ đây, anh cảm thấy đời mình như đã bước qua một trang mới,... đang rào rạt chảy trong trái tim trai tráng của anh” [3;44]. Trừ cụm từ miêu tả hành động nhân vật “Thiện bước ra ngoài sân”, là cái nhìn của người kể chuyện, còn cảm giác, cách nhìn, cách tả trong những câu tiếp sau đó là của chính Thiện - nhân vật trung tâm của tác phẩm, “một chàng trai có giáo dục, luôn quan tâm đến tập thể và bạn bè, có đời sống nội tâm sâu sắc và dễ mũi lòng”, theo nhận xét của bà Mây. Và cũng chính bà Mây, người đàn bà chỉ biết quanh năm lam lũ với ruộng đồng lại có con mắt tinh đời để đưa ra kết luận khá chính xác về kiểu người như Thiện: “Đấy là loại đàn ông có bản lĩnh, nhưng mềm yếu và lắm đa mang”.

Không chỉ “nuơng” theo điểm nhìn của nhân vật để kể, tác giả còn cho trường nhìn của các nhân vật đối thoại, giao tiếp,

tranh luận với nhau khi cần đưa ra kết luận về một vấn đề nào đó. Chẳng hạn, cũng ở chương hai, trước sự việc thế hệ thanh niên vừa tốt nghiệp cấp ba như Thiện, Cẩm, Xuyên, Phượng, Sơn... không nghe theo sự sắp xếp của Đảng ủy cấp trên vào đại học, mà tự nguyện trở về sản xuất và chiến đấu tại quê nhà. Bác Niệm, với tư cách là Bí thư Đảng ủy xã, người có trách nhiệm nuôi dưỡng nguồn cán bộ cho tương lai, đã lên cơn giận sôi sục và quát mắng. Hiểu rõ nỗi lòng bí thư Niệm, bố Thiện - ông Duẩn với khí chất của một nhà giáo, người chú trọng đến giáo dục nhân cách, tư tưởng, đạo đức cho thế hệ trẻ, sau khi xin lỗi bác Niệm và nhận trách nhiệm về mình “con đại cái mạng” đã phân bua bằng một lập luận rất thấu tình, đạt đạo: “Nhưng anh xét cho, đây là sự thắng lợi của nền giáo dục, giáo dưỡng của ta. Các cháu biết căm thù quân xâm lược, biết chia sẻ cái sống cái chết với cha anh,...” [3;38]. Sau sự kiện ấy, sau bao trải nghiệm thăng trầm từ cuộc đời của người lính, sau khi đã sống, chiến đấu, chiêm nghiệm Thiện mới nhận thức rõ về ý nghĩa, lẽ sống cuộc đời con người trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Điểm nhìn của người kể và nhân vật trung tâm (Thiện) lúc này hòa làm một để cất lên tiếng nói chiêm nghiệm đầy ưu tư: “Vẫn biết rằng ra chiến trường hay vào đại học, đều là công việc của cách mạng, do cách mạng phân công; và rằng, vào trường đại học lúc này là vào chốn yên hàn, là xa lánh được hòn tên mũi đạn và có nhiều tương lai hơn. Thế mà, không ít thanh niên đã không chọn con đường thuận lợi riêng cho mình, thậm chí tươi sáng nữa, để tình nguyện trở về vùng đất ác liệt nơi cửa ngõ mặt trận này” [3;14].

Như vậy, ở góc độ trần thuật, với lối trần thuật đa điểm nhìn, phát huy tối đa hiệu quả nghệ thuật của điểm nhìn bên trong,

điểm nhìn tâm lí, tác giả đã làm một cuộc chuyển hoán điểm nhìn từ người kể chuyện sang nhân vật, từ nhân vật này sang nhân vật khác. Mặc dù chưa tạo ra “một kiểu cấu trúc đối thoại liên văn bản, xuyên văn hóa”[4], như hệ thống điểm nhìn trong tiểu thuyết *Miền hoang* của Sương Nguyệt Minh. Nhưng sự hoán đổi điểm nhìn này đã làm nên ma lực cho tác phẩm và mang lại cho nó một trường nhìn phong phú, đa dạng. Tác giả không hề áp đặt cách nhìn tinh tảo, logic theo suy luận của người kể chuyện ở ngôi thứ ba. Thế giới trong tác phẩm vĩnh viễn thuộc về những con người một thời đã sống và chiến đấu cho quê hương và tổ quốc yêu thương. Đó là Thiện, Loan, Cẩm, Xuyên, Phượng, Kháng, Bác Niệm, thầy Duẩn, bà Mây, lão Vạc... Câu chuyện cuộc đời được viết bởi chính những người đã sống và chiến đấu trong cuộc đời ấy, bằng “Ký ức bông rạt của những con người đi qua khói lửa cuộc chiến”. Tính phức điệu trong trần thuật làm gia tăng chất đa thanh cho tác phẩm. Vì vậy nội dung, ý nghĩa của thiên tiểu thuyết càng thêm sâu sắc, phong phú. Các biểu hiện của phong trào thi đua yêu nước được thể hiện sinh động, thuyết phục, không mang tính chất lên gân, ngợi ca một chiều như các tác phẩm cùng đề tài trước năm 1975. Ta hiểu vì sao Bakhtin cho rằng: “Người viết văn xuôi nào, chỉ biết nói cái của mình bằng ngôn ngữ của mình, không biết nói cái của mình bằng ngôn ngữ của người khác... thì người ấy dù cố gắng thế nào cũng chỉ viết được những sáng tác bề ngoài rất giống tiểu thuyết nhưng không phải là tiểu thuyết” [1;21].

2.2 Cái nhìn đa chiều về con người.

“Người ta là người với tất cả sự cao quý và hèn hạ của con người”. Câu nói của Dostoevski đã khẳng định bản chất con người (cũng là của cuộc sống) không đơn nhất. Đúc kết lý luận về nhân vật trong tiểu

thuyết, Hegel cũng khẳng định: “nhân vật tiểu thuyết không được anh hùng cả theo nghĩa sử thi lẫn theo nghĩa bi kịch của từ ấy” [1;34]. Tiếp thu thành quả của các nhà lý luận đi trước, Bakhtin khi bàn về đặc trưng nhân vật trong tiểu thuyết cũng chỉ ra: “Con người không thể hóa thân đến tận cùng vào cái thân xác xã hội - lịch sử hiện hữu” [1;81].

Một trong những thành công ở phương diện nhân vật của tiểu thuyết *Chân trời mùa hạ* là cái nhìn đa chiều về con người. Trong mỗi nhân vật vừa có sự song hành vừa có sự đối lập giữa ý thức và vô thức, lí trí và bản năng, cá nhân và tập thể, tự nhiên và xã hội, nghĩa vụ, bổn phận và những dục vọng, khao khát trần thế. Bằng cái nhìn đa chiều, tác giả đã dẫn dắt người đọc đi tìm *con người trong con người*, khám phá những miền bí ẩn trong chiều sâu tâm hồn. Cái nhìn đa chiều về con người là phương thức nghệ thuật hữu dụng để thể hiện quá trình vượt lên chính mình của những con người trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt.

Rõ nhất trong bức tượng đài những con người đã sống và chiến đấu với cả ý thức lẫn bản năng sinh tồn để vượt lên chính mình trong xã Đại Hòa ngày ấy là chị Loan. Một cô gái mạnh mẽ, cá tính, siêng năng lại có tài ăn nói. Không chỉ sở hữu những phẩm chất đạo đức tốt, chị còn được trời phú cho vẻ đẹp khỏe khoắn rạng ngời. Dưới mắt cậu bé Thiện, chị Loan đẹp như tiên. Không phải ngẫu nhiên mà tác giả để cho Thiện luôn theo chân chị trong những tháng ngày chần trau cắt cỏ. Cái cách Thiện nhìn chị tắm ở Bàu Lài, cái nỗi buồn của cậu chàng khi nép vào ruộng mía nhìn chị Loan đi lấy chồng, phảng phất motif đi tìm lá Diêu bông... đó là những biểu hiện của một tâm hồn nhạy cảm, biết yêu mến cái đẹp, đồng thời cũng là dấu hiệu báo trước một cuộc

đời đa đoan.

Buộc lòng phải lấy người mình không/chưa kịp yêu đã là thiệt thòi, niềm hạnh phúc không trọn vẹn ấy của chị Loan cũng vượt khỏi tầm tay khi chồng chị đi chiến trường biệt lập không trở lại. Chị lao vào sản xuất và chiến đấu với tinh thần trách nhiệm cao. Ở đâu và lúc nào chị cũng luôn là ngọn cờ đầu, là tấm gương cho thế hệ sau ngưỡng mộ, noi theo. Tuy nhiên, vượt lên cái nhìn đơn chiều theo chủ nghĩa tụng ca một thời, bằng hình thức lời nửa trực tiếp, ngòi bút tác giả đã “lên lời” vào bên trong tâm hồn, vào cõi vô thức, bản năng, dưới dạng những giấc mơ, những ý nghĩ thầm kín, những khát khao rần rật bỏng rát, réo gào trong con người chị Loan để thể hiện bi kịch và nỗi đau của người phụ nữ thời chiến. “Có những lúc đang trưa, chị bật dậy, vác cuốc ra vườn cuốc đất, hoặc vác búa ra sân bửa củi. Chị đề những khúc gỗ khó nhất giáng búa xuống, bầm vằm khúc gỗ một cách tội nghiệp, như bầm vằm con khát dục rần rật trời dậy, cho đến khi người dịu lại” [3;96]. Dù chưa thật tinh tế khi thể hiện nỗi cô đơn và khát khao đời thường của người phụ nữ thời chiến, nhưng cái nhìn khá mạnh dạn của tác giả trong trường hợp này chỉ có thể lý giải từ lập trường của chủ nghĩa nhân văn. Chính tư tưởng này giúp nhà văn đi vào những “vùng đất cấm”, để phát hiện, chia sẻ và cảm thông với nỗi đau của người phụ nữ thời chiến. Bi kịch của Loan, ở góc độ nào đó có sự tương đồng với bi kịch của chị Nhân trong *Bến không chồng* của Dương Hưống. Đó là bi kịch của những người phụ nữ “giữ gìn hình ảnh” khi chồng đã hi sinh hoặc biệt lập không rõ sống/chết trên chiến trường. Âm hưởng nữ quyền vọng ngân trong các tác phẩm viết về số phận của người phụ nữ trong chiến tranh ánh lên vẻ đẹp con người trong chiều sâu

nhân bản. Có những vẻ đẹp trong sự bầm dập, có những vẻ đẹp trong sự nhàu nát. Đó là vẻ đẹp của người phụ nữ trong chiến tranh. Và chị Loan đã vượt lên chính mình như thế nào khi bên cạnh chị là xã đội trưởng Kháng, người dường như hiểu và biết được con người bên trong của chị và luôn ve vãn chị mọi lúc, mọi nơi.

Đã nhiều lần Loan cố lảng tránh cái nhìn ve vãn của anh chàng phong tình này, nhưng chị tự thú “con quỷ bên trong mình đã muốn hẹn hò với hắn tự bao giờ”. Tâm trạng thấp thỏm của chị trong những lần canh gác ngoài biển mới tội nghiệp làm sao. Hàng loạt câu hỏi tự vấn vang lên trong đầu chị “Nhưng nếu anh ta đến mình sẽ ra sao đây? Lỡ có con thì sao? Còn vợ anh ta nữa?... Liệu chị có vượt qua được quãng đời đơn chiếc dằng dặc chừng nào chồng chị chưa trở về? Nghĩ đến vậy chị lại rùng mình”[3;177]. Mỗi lần vượt thoát được sự cám dỗ của thần ái tình từ Kháng, trong chị lại chông chênh hai trạng thái - mừng vui và nuối tiếc. Đó chính là hệ quả của hai phạm trù ý thức và bản năng, đức hạnh và dục vọng trong con người Loan. Chị vừa căm ghét và khinh bỉ Kháng, lại vừa thèm khát gần gũi anh ta. Vọng ngân trong tác phẩm cái âm hưởng nữ quyền đáng đốt nhân bản. Xoáy sâu vào mâu thuẫn, giằng xé đến đau đớn, ngạt thở trong tâm hồn nhân vật Loan, tác giả đã bộc lộ chiều sâu nhân bản trong cách nhìn, cách cảm nhận nỗi đau của người phụ nữ thời chiến.

Biết bao số phận như chị Loan, bà Mây, bà Thiệp, ông Duẩn, bác Niệm, Thiện, Cẩm, Xuyên, Phượng, Thắm... những người có tên và không tên, họ phải vượt lên chính bản thân mình để làm tròn bổn phận với gia đình, với quê hương, đất nước. Có thể suốt đời họ không có được tấm huy

chương, bằng khen hay lời biếu dương khen thưởng, nhưng họ là những người yêu nước chân chính, những người dân làm nên lịch sử hào hùng của quê hương, dân tộc.

Bên cạnh hình thức độc thoại nội tâm, motif giấc mơ cũng được tác giả sử dụng như một cách thức để bộc lộ con người bên trong. Freud - người cha của phân tâm học, đã lí giải bí ẩn của những giấc mơ từ góc độ khoa học. Những ẩn ức tính dục của các nhân vật trong tác phẩm được hiện hình trong giấc mơ. Đó là giấc mơ gặp chồng của chị Tuyền trước cái chết một ngày. Những giấc mơ ám ảnh của Hòa về tội lỗi mà nàng đổ lên đầu người bố chồng đáng kính. Giấc mơ ngọt ngào gặp Diệu Hương của Thiện trên hoang cỏ ở trại điều dưỡng. Khuôn mặt của Cẩm trong những giấc mơ của Thiện lúc ở chiến trường. Hình ảnh của Thiện trong những giấc mơ nhạt nhòa của chị Loan... Mơ là sống tiếp cuộc sống ban ngày, là bổ sung cho những thiếu hụt trong tâm hồn mỗi người. Và mơ trong tiểu thuyết này còn đảm nhiệm thêm một chức năng: cứu cánh để biện hộ cho hành vi của con người.

Ta cùng trở lại với lần gặp gỡ giữa chị Loan và Thiện. Trong nỗi đau đớn vô bờ, khi biết rõ oan khuất của bố do chính vợ mình gây ra, Thiện chạy như bay ra cánh đồng, bước chân vô thức đưa anh đến với căn nhà kho của hợp tác xã. Tình cờ anh gặp chị Loan. Hai con người, hai nỗi đau, hai vực thẳm cần lấp đầy, cần sẻ chia. Họ đã mượn chén rượu giải sầu, và trong men rượu chếch choáng cả hai lẫn ra ngủ và ân ái với nhau mà không hề có sự đồng tình của ý thức. Với truyền thống tư tưởng, văn hóa Việt Nam, quá khó để chấp nhận chuyện Thiện và chị Loan có quan hệ ân ái với nhau. Bởi vậy, tác giả phải lấy cơn say, phải lũng vào giấc mơ Thiện gặp Diệu Hương

trên hoang cỏ, làm cứu cánh. Tác giả tỏ ra khá chắc tay trong xử lý vấn đề này. Bởi nếu không khéo, không tinh tế thì dù có đặt dưới ánh sáng của tư tưởng nhân bản cũng khó lòng để độc giả Việt Nam chấp nhận. Chúng tôi chợt liên tưởng đến một chi tiết trong *Rừng Naui* - cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của Murakami. Sau cái chết của người yêu (Naoko), trong nỗi đau và cô đơn tột độ, Watanabe và Reiko - người chị thân thiết với cả Naoko lẫn Watanabe (Reiko hơn Watanabe mười chín tuổi) - đã tìm đến nhau, an ủi nhau. Sau khi đã cùng nhau đàn, hát và nghe 51 bản nhạc, họ đã ân ái cùng nhau một cách tự nguyện, tự giác. Chẳng cần đến men say của rượu, chẳng cần đến giấc mơ đánh tráo đối tượng. Họ ôm nhau trong vòng tay, để cảm thấy sự hiện hữu của mình, cùng nhau vượt thoát ra khỏi nỗi đau và sự cô đơn của kiếp người, cùng giúp nhau tìm lại bản thể đã bị đánh mất trong sự đổ vỡ nhân sinh. Ở đây, chúng tôi không có ý và cũng không thể so sánh, hai tác phẩm, hai nhà văn. Sự liên tưởng này của chúng tôi chỉ để nhằm khẳng định cách xử lý vấn đề của nhà văn Hữu Phương rất hiện đại nhưng vẫn truyền thống...

2.3. Truyền thống và hiện đại trong kết thúc tác phẩm.

Trong một tiểu thuyết, kết thúc tác phẩm thường được xem xét dựa vào cuộc đời, số phận của các nhân vật, chủ yếu là nhân vật trung tâm và nhân vật chính. Căn cứ vào kết cục dành cho các nhân vật ở đây, chúng ta có thể khẳng định cách kết thúc vấn đề của tác phẩm là sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại: vừa đóng lại vừa mở, vừa chiều theo luật nhân quả vừa là sự bẻ gãy của quy luật này. Cách tân ngay trong truyền thống, hiện đại ngay từ những yếu tố cổ điển là một nét độc đáo trong nghệ

thuật tiểu thuyết *Chân trời mùa hạ*.

Tác phẩm khép lại với cái kết có hậu theo kiểu truyện cổ tích. Chiến tranh kết thúc, hòa bình lập lại. Những người tốt, có lí tưởng, khát vọng cao đẹp được hưởng hạnh phúc, kẻ có tội bị trừng phạt. Điều đó được thể hiện qua số phận của các nhân vật. Cẩm, Thiện được vào đại học, để sau này trở thành những kỹ sư trong tương lai. Ông Niệm và bà Thảo được sum vầy hạnh phúc tuổi già sau khi đã làm tròn trách nhiệm với gia đình, tập thể. Chị Loan hạnh phúc vì đưa con trong bụng ngày càng quẫy đạp mạnh. Nỗi oan khuất của ông Duẩn được hóa giải để mỉm cười nơi chín suối. Thấm được Cung nâng đỡ, bù đắp những bất hạnh mà cô đã phải gánh chịu trong quá khứ. Chỉ có Hòa và Sơn là hai nhân vật phải gánh chịu hậu quả do chính lỗi lầm mà họ gây ra.

Nếu không vì đưa con trong bụng, có lẽ Hòa đã lao mình xuống vực Long Vương. Đã bao lần Hòa ngồi đó nhưng không đủ can đảm để nhảy xuống, phần vì thương con, phần còn hi vọng Sơn sẽ cưới nàng như đã hứa. Hòa quá ngây thơ và tin tưởng vào một kẻ thủ đoạn và cơ hội, lừa thầy phản bạn như Sơn. Hòa đâu chỉ là nạn nhân duy nhất, còn Thấm, còn Suyền lỡ cả một tuổi xuân cũng vì thói trăng hoa và lối sống ích kỷ, vô trách nhiệm của Sơn. Hòa vừa đáng thương lại vừa đáng trách, có lẽ vì thế mà tác giả vẫn để cho nàng sống nhưng phải mang nỗi ám ảnh, ân hận, dày vò suốt cuộc đời.

Riêng với Sơn, cái chết là một tất yếu. Sơn đã gây ra quá nhiều tội lỗi không thể nào rửa sạch. Mặc dù Thiện vô cùng ân hận vì cho rằng mình đã đâm trúng mắt bạn, cho nên bạn cần đường không chuẩn và đâm vào cọc tiêu. Thực tế Sơn chết vì tai nạn, âu cũng là số phận. Đây chính là chỗ thể hiện rõ nhất tính chất truyền thống, quy luật nhân quả

trong kết thúc tác phẩm. Tuy nhiên, tác giả không vì nhân quan có hậu mà lái theo ý muốn chủ quan của mình. Cái nhìn của tác giả ở đây vẫn rất tôn trọng hiện thực khách quan. Minh chứng cho điều này là cái chết của biết bao nhiêu người tốt bụng như ông Nghĩa, chị Tuyền, anh Phong, Xuyến, Phụng... Dù rất yêu thương các nhân vật của mình, thì cái chết trong chiến tranh là điều không tránh khỏi. Cảm xúc của Thiện trong buổi chiều hoàng hôn ở nghĩa địa, thấp nén hương vẫy chào những người thân yêu, bạn bè, đồng đội trước khi nhập học, đã lan truyền, chạm khắc vào tâm can độc giả, thanh lọc tâm hồn họ đúng như chữ dùng của Aristote “Một mình anh lơ lửng giữa nghĩa địa chiều với những dây mộ im lìm của bạn bè và đồng đội, những người bỏ mình vì nước trong cuộc chiến tranh khốc liệt, anh thấy mình mang cảm giác rất khó tả, có chút gì đó như người lạc ngữ” [3;543].

Bên cạnh tính chất truyền thống, chất hiện đại trong kết thúc tác phẩm thể hiện ở cái kiểu kết để ngỏ, kết lơ lửng. Lựa chọn kiểu kết này, nhà văn đưa tác phẩm về gần hơn với bản chất cuộc đời vốn dở dang, tiếp nối. Cốt truyện cuộc đời thì không bao giờ hoàn chỉnh. Nhiệm vụ của nhà văn là “vẽ nên tấm bản đồ cuộc sống bằng cách khám phá ra khả năng này hay khả năng khác của con người” [2;49].

Gấp lại trang cuối cùng của thiên tiểu thuyết *Chân trời trời mùa hạ*, cũng là lúc độc giả đẩy lên bao suy ngẫm, dự đoán về các khả năng có thể xảy ra xoay quanh mối quan hệ giữa Thiện - Cẩm - Lý. Cứ như suy nghĩ của bà Thảo: “Cái chuyện chồng vợ còn do duyên số, chứ không phải cứ muốn là được” [3;540]. Liệu một chàng trai đa tình, đa cảm, lại hơi mềm yếu như Thiện có đủ can đảm để thể hiện tình yêu và mong

ước của mình trước Cẩm hay không. Trong lúc Cẩm lại là người quá tự trọng, luôn kìm nén, dấu đi tình cảm thật của mình. Hơn nữa với bản chất của một người luôn hi sinh vì người khác, Cẩm có đành lòng chặn đứng hi vọng của em gái khi tận mắt chứng kiến tình yêu của nó dành cho Thiện? Lại nữa, một người mạnh mẽ có phần hơi vô tư như Lý, liệu có nhạy cảm và tinh tế vun vén cho anh chị, hay lại là mẫu người như Thúy Vân, để rồi lại xảy ra tình trạng trao duyên “cây em em có chịu lời”? Số phận đã xô đẩy Thiện và Cẩm không trọn vẹn cùng mối tình đầu, liệu một lần nữa trong bốn năm trên giảng đường đại học, họ có nối lại mối duyên tình xưa nghĩa cũ không? Hay tình yêu vẫn luôn chơi trò ú tim với người đời! Bao nhiêu khả năng có thể xảy ra mà không ai đoán định trước điều gì...

Ngay cả Thiện, lúc xe đã chuyển bánh “Vẫn biết là không còn hi vọng gì nữa, nhưng không hiểu sao, thỉnh thoảng vô tình anh lại quay nhìn ra sau, qua cửa sổ để ngỏ, không biết là muốn được nhìn mặt Cẩm hay là Lý” [3;549]. Âu cũng là điều dễ hiểu, con người vẫn thỉnh thoảng lạc bước, chông chênh. Cách để ngỏ vấn đề, không làm thỏa mãn mong muốn của độc giả ngay tại thời điểm kết thúc, lại là cách khôn ngoan nhất để neo đậu cảm xúc lâu bền của họ dành cho tác phẩm. Không đưa ra một tiếng nói, hay một kết luận cuối cùng, tất cả nhường lại cho độc giả là cách làm phổ biến của các nhà văn hiện đại và tác giả Hữu Phương đã chạm khắc được dấu ấn riêng cho mình trong cách kết thúc tác phẩm.

* Với các phương diện như chúng tôi phân tích ở trên, cuốn tiểu thuyết *Chân trời mùa hạ* của nhà văn Hữu Phương đã góp phần thể hiện, phản ánh không khí, tinh thần của phong trào thi đua yêu nước ở đất lửa

Quảng Bình trong những năm kháng chiến chống Mỹ, bằng những cách tân nghệ thuật độc đáo. Nếu các tác phẩm viết về chiến tranh trước năm 1975, chủ yếu hướng đến cái anh dũng, kiên cường, ngợi ca một chiều, thì sau 1975, đặc biệt sau đổi mới (1986), nó lại được khai thác, nhìn nhận ở nhiều góc cạnh. Không chỉ có sự khốc liệt của chiến tranh, sự vinh quang của chiến thắng mà còn có cả những bi kịch, thất bại, sai lầm và cả sự tha hóa, biến chất. Xét trên phương diện này, *Chân trời mùa hạ* là một nỗ lực đáng ghi nhận của nhà văn Hữu Phương, khi thể hiện đề tài chiến tranh một cách chân thực, khách quan, gần gũi, vừa bao quát được chiều rộng lịch sử xã hội, vừa đi vào chiều sâu của số

phận con người. Tác phẩm góp phần làm phong phú, đa sắc thêm dòng văn xuôi viết về đề tài người lính, chiến tranh cách mạng, “không chỉ là chiến tranh đã xảy ra như thế nào mà trong chiến tranh và sau chiến tranh, người ta sống như thế nào”[5]. *Chân trời mùa hạ* của Hữu Phương đã hoàn thành sứ mệnh của mình theo quan điểm của Milan Kundera “cuốn tiểu thuyết nào không khám phá ra thêm được một mẫu sự sống trước nay chưa từng biết đến là một cuốn tiểu thuyết vô đạo đức.” [2;12]. Và ta hiểu rằng quá khứ oanh liệt của đất lửa Quảng Bình nói riêng, cả dân tộc nói chung vẫn luôn là một *Thời hoa đỏ*./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bakhtin M (1992), *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư dịch), Trường viết văn Nguyễn Du.
- [2] Kundera Milan (2001), *Nghệ thuật tiểu thuyết - Những di chúc bị phản bội*, Nguyên Ngọc dịch), NXB Văn hóa thông tin.
- [3] Hữu Phương (2007), *Chân trời mùa hạ*, NXB Hội nhà văn.
- [4] <https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/toi-doc-mien-hoang-cua-suong-nguyet-minh.html>
- [5] http://vns.edu.vn/images/6_NGHIEN_CUU/VAN_HOA_VAN_HOC/Tran_Mai_Nhan/3.-Tieu-thuyet-viet-ve-chen-tranh-sau-1975.pdf

Liên hệ:

TS. Dương Thị Ánh Tuyết

Bam Giám hiệu, Trường Đại học Quảng Bình

Địa chỉ: 312 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Email: duongtuyet77@gmail.com

Ngày nhận bài:

Ngày gửi phản biện:

Ngày duyệt đăng: